



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP HCM
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

THUẾ

Giảng viên: ThS. Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

1



Chương 3

THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

2



Căn cứ pháp lý

- ✓ Luật số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009.
- ✓ Nghị định số 26/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 16/03/2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2009 (trừ mặt hàng rượu, bia có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010.)
- ✓ Thông tư số 64/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 27/3/2009 Hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

3



3.1 Khái niệm và mục đích:

3.1.1 Khái niệm

- ✓ Là loại thuế gián thu. Thu vào HHDV đặc biệt (là HHDV không thiết yếu, không được nhà nước khuyến khích tiêu dùng, thậm chí là xa xỉ) theo danh mục do NN qui định.
- ✓ Đặc điểm: mức thuế suất cao, nhằm điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, đảm bảo công bằng XH

3.1.2 Mục đích

- ✓ Thu ngân sách Nhà nước.
- ✓ Quản lý, hướng dẫn sản xuất, tiêu dùng HHDV đặc biệt.
- ✓ Điều tiết thu nhập, phân phối lại thu nhập công bằng hơn.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

4



3.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế TTĐB

3.2.1 Đối tượng chịu thuế TTĐB

▪ Hàng hóa:

- | | |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1) Thuốc lá điếu, xì gà; | 6) Tàu bay |
| 2) Rượu; | 7) Du thuyền |
| 3) Bia; | 8) Xăng các loại, |
| 4) Ô tô dưới 24 chỗ ngồi; | 9) Điều hòa nhiệt độ công suất ≤ 90.000 BTU; |
| 5) Xe mô tô hai bánh, ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm^3 | 10) Bài lá; |
| | 11) Vàng mã, hàng mã. |

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

5



3.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế TTĐB

3.2.1 Đối tượng chịu thuế TTĐB

▪ Dịch vụ:

- 1) Kinh doanh vũ trường
- 2) Kinh doanh mát xa, karaoke
- 3) Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng
- 4) Kinh doanh đặt cược
- 5) Kinh doanh gôn
- 6) Kinh doanh xổ số

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

6



3.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế TTĐB

❖ *Đối tượng không thuộc diện chịu thuế TTĐB*

- (1). Sản xuất, gia công trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài.
- (2). Bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài.
- (4). Hàng hóa NK để viện trợ; quà tặng theo mức quy định được hưởng tiêu chuẩn hành lý miễn thuế miễn trừ ng/giao.
- (5) Hàng hóa chuyên khẩu, quá cảnh, mượn đường qua VN
- (6). Hàng hóa tạm nhập khẩu để tái xuất khẩu.
- (7). Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm.
- (8). Hàng hóa từ nước ngoài nhập khẩu vào khu chế xuất, trừ ô tô dưới 24 chỗ ngồi.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

7



3.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế TTĐB

❖ *Đối tượng không thuộc diện chịu thuế TTĐB (tt)*

- (9). Hàng hóa nhập khẩu để bán tại các cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.
- (10) Tàu bay, du thuyền sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách và kinh doanh du lịch.
- (11) Xe chở người chuyên dùng trong các khu vui chơi giải trí, thể thao không tham gia giao thông; các loại xe đặc biệt: xe cứu thương, xe chở phạm nhân, xe tang lễ;...
- (12) Điều hòa nhiệt độ có công suất 90.000 BTU trở xuống, theo thiết kế của nhà SX chỉ để lắp trên phương tiện vận tải như ô tô, toa xe lửa, tàu, thuyền, tàu bay.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

8



3.2 Đối tượng chịu thuế, nộp thuế TTĐB

3.2.2 Đối tượng nộp thuế TTĐB

- ✓ Các tổ chức, cá nhân (gọi chung là cơ sở) có sản xuất kinh doanh, nhập khẩu hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- ✓ Cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà tiêu thụ trong nước.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

9



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

Thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp	=	Giá tính Thuế TTĐB	x	Thuế suất
---------------------------------	---	--------------------	---	-----------

3.2.2 Giá tính thuế TTĐB

❖ Giá tính thuế TTĐB đối với hàng SX trong nước

Là giá chưa có thuế GTGT, chưa có thuế TTĐB và không loại trừ giá trị vỏ bao bì (nếu có).

Giá tính thuế TTĐB	=	Giá bán chưa có thuế GTGT
		1 + Thuế suất thuế TTĐB

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

10



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ *Giá tính thuế TTĐB đối với hàng SX trong nước*

✓ **Ví dụ 3.1:** Giá bán của 1 lít bia lon chưa có thuế GTGT là 29.000đ, thuế suất TTĐB 45%, giá tính thuế TTĐB?

Giá tính thuế TTĐB 1 lít bia lon là	=	$\frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$	
	=	$\frac{29.000đ}{1 + 45\%}$	= 20.000 đ

➤ Thuế TTĐB 1 lít bia lon = 20.000đ x 45% = **9.000 đ**



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ *Giá tính thuế TTĐB đối với hàng SX trong nước*

✓ **Ví dụ 3.2:** Giá bán 1 bao thuốc lá chưa có thuế GTGT là 19.800đ, thuế suất TTĐB 65%, giá tính thuế và thuế TTĐB?

Giá tính thuế TTĐB 1 bao thuốc lá	=	$\frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$	
	=	$\frac{19.800đ}{1 + 65\%}$	= 12.000 đ

➤ Thuế TTĐB 1 bao thuốc lá = 12.000 đ x 65% = **7.800 đ**



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu

Giá tính thuế TTĐB	=	Giá tính thuế nhập khẩu	+	Thuế nhập khẩu
-----------------------	---	----------------------------	---	-------------------

✓ **Ví dụ 3.3:** Nhập khẩu 10.000 chai rượu, giá tính thuế NK: 12.000 đ/chai, thuế suất NK: 150%; thuế suất TTĐB: 50%.

➤ Thuế NK /1 chai rượu = $12.000 \times 150\% = 18.000$ đ

Giá tính thuế TTĐB 1 chai rượu: $12.000 + 18.000 = 30.000$ đ

➤ Thuế TTĐB phải nộp cho cả lô hàng:

= $10.000 \times 30.000 \times 50\% = \mathbf{150.000.000}$ đ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

13



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giá tính thuế TTĐB đối với hàng nhập khẩu

✓ **Ví dụ 3.4:** Nhập khẩu 80.000 bao thuốc lá.

Giá nhập khẩu làm căn cứ tính thuế: 0,45 USD/ 1 bao.

Thuế suất NK: 80%; thuế suất TTĐB: 65%.

Cho biết tỷ giá NHNN công bố là: 20.000 đồng/1 USD

Tính thuế TTĐB phải nộp cho cả lô hàng?

➤ Giá tính thuế NK: $0,45 \text{ USD} \times 20.000 = 9.000$ đ

➤ Thuế NK /1 bao thuốc lá = $9.000 \times 80\% = 7.200$ đ

Giá tính thuế TTĐB 1 bao thuốc = $9.000 + 7.200 = 16.200$ đ

Thuế TTĐB phải nộp cho cả lô hàng:

= $80.000 \times 16.200 \times 65\% = \mathbf{842.400.000}$ đ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

14



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giá tính thuế đối với hàng hóa chịu thuế TTĐB:

- ✓ Đối với rượu, bia chai: không được trừ giá trị vỏ chai.
- ✓ Đối với hàng hóa gia công: Là giá bán chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB của cơ sở đưa gia công.
- ✓ Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp: Là giá bán chưa GTGT; chưa TTĐB của hàng hóa bán trả ngay.
- ✓ Giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại: Là giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

15



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Giá tính thuế đối với dịch vụ chịu thuế TTĐB:

Là giá cung ứng dịch vụ của cơ sở kinh doanh chưa có thuế GTGT và chưa có thuế TTĐB

- ✓ **Ví dụ 3.5:** Doanh thu chưa có thuế GTGT kinh doanh vũ trường của cơ sở trong kỳ là 390.000.000 đồng, thuế suất thuế TTĐB là 30%.

$$\text{➤ Giá tính thuế TTĐB} = \frac{390.000.000}{1 + 30\%} = 300.000.000 \text{ đ}$$

$$\text{➤ Thuế TTĐB phải nộp} = 300.000.000 \times 30\% = \mathbf{90 \text{ trđ}}$$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

16



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ **Tóm lại:** *Giá tính thuế TTĐB là giá chưa có thuế tiêu thụ đặc biệt và chia làm 2 loại hàng hóa:*

Giá tính thuế TTĐB	Đối với hàng SX trong nước	Là giá chưa có thuế VAT, chưa có thuế TTĐB
	Đối với hàng nhập khẩu	Là giá bao gồm cả thuế nhập khẩu và chưa có VAT

❖ **Lưu ý:** Giá bán của hàng SX trong nước chưa có thuế GTGT là giá bán đã bao gồm thuế TTĐB.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

17



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ *Giá tính thuế TTĐB đối với hàng SX trong nước*

✓ **Ví dụ 3.6:** Giá bán 1 lít rượu đã có thuế GTGT 16.500đ, thuế suất TTĐB 50%, GTGT 10%. Giá tính thuế TTĐB?

Giá tính thuế TTĐB 1 lít rượu là	=	$\frac{\text{Giá bán chưa có thuế GTGT}}{1 + \text{Thuế suất thuế TTĐB}}$	
	=	$\frac{16.500\text{đ}/(1+10\%)}{1+50\%}$	= 10.000đ

➤ Thuế TTĐB 1 lít rượu = 10.000đ x 50% = **5.000 đ**

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

18



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

3.3.2 Thuế suất thuế TTĐB

- ✓ Thuế suất thuế TTĐB được áp dụng theo thông tư số 64/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 có hiệu lực từ 1/4/2009
- ✓ Thuế suất thuế TTĐB không phân biệt hàng hóa NK hay hàng hóa sản xuất trong nước.
- ✓ Cơ sở sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều loại dịch vụ chịu thuế TTĐB có các mức thuế suất khác nhau thì phải kê khai tính thuế riêng, nếu không kê khai riêng thì nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

19



Biểu thuế suất thuế TTĐB

TT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
I	Hàng hóa	
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	65
2a	Rượu từ 20 độ trở lên	
	Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2012	45
	Từ ngày 01/01/2013	50
2b	Rượu dưới 20 độ	25
3	Bia	
	Từ ngày 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2012	45
	Từ ngày 01/01/2013	50

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

20



Biểu thuế suất thuế TTĐB

TT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ	
	a. Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g Điều này	
	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm ³ trở xuống	45
	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 3.000 cm ³	50
	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³	60
	b. Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g Điều này	30
	c. Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g Điều này	15

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

21



Biểu thuế suất thuế TTĐB (tt)

TT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
	d. Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng, trừ loại quy định tại điểm 4đ, 4e và 4g Điều này	15
	đ. Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng.	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại
	e. Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	50% thuế suất cho xe cùng loại
	g. Xe ô tô chạy bằng điện	
	Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	25

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

22



Biểu thuế suất thuế TTĐB

TT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
5	Kinh doanh gôn	20
6	Kinh doanh xổ số	15
7	Du thuyền	30
8	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	10
9	Điều hòa nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
10	Bài lá	40
11	Vàng mã, hàng mã	70

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

23



Biểu thuế suất thuế TTĐB

TT	Hàng hóa, dịch vụ	Thuế suất (%)
II	Dịch vụ	
1	Kinh doanh vũ trường	40
2	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
3	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	30
4	Kinh doanh đặt cược	30
5	Kinh doanh gôn	20
6	Kinh doanh xổ số	15

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

24



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

❖ Trường hợp tính thuế TTĐB đối với cơ sở SX mặt hàng chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB:

Số thuế tiêu thụ đặc biệt thực nộp	=	Số thuế TTĐB phải nộp của hàng xuất kho tiêu thụ trong kỳ	-	Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng xuất kho tiêu thụ trong kỳ
-------------------------------------------	---	------------------------------------------------------------------	---	--------------------------------------------------------------------------------------------------------

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

25



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

□ Ví dụ 3.7: Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước và nộp thuế TTĐB khi NK 250 trđ. Xuất kho 8.000 lít để SX 12.000 chai rượu. Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phải nộp của lô hàng xuất bán là 350 trđ.

➤ Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu NK rượu phân bổ cho 9.000 chai rượu thành phẩm bán ra là:

$$250 * (8.000 / 10.000) * (9.000 / 12.000) = 150 \text{ trđ.}$$

➤ Số thuế TTĐB cơ sở thực phải nộp trong kỳ là:
350 triệu đồng - 150 triệu đồng = 200 triệu đồng

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

26



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

□ **Ví dụ 3.8:** Nhập khẩu 10 tấn thuốc lá sợi và nộp thuế TTĐB khi NK 450 trđ. Xuất kho 8.500 kg để SX 85.000 bao thuốc lá. Xuất bán 60.000 bao, giá bán chưa VAT là 16.500đ/1 bao, thuế suất TTĐB 65%. Tính thuế TTĐB được khấu trừ và số thực nộp?

➤ Giá tính thuế TTĐB của 1 bao thuốc lá:

$$16.500 / (1+65\%) = 10.000 \text{ đồng.}$$

➤ Số thuế TTĐB của hàng xuất bán trong kỳ là:

$$60.000 * 10.000 * 65\% = 390 \text{ triệu đồng.}$$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

27



3.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế

□ **Ví dụ 3.8:** (tt)

➤ Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu NK thuốc lá sợi phân bổ cho 60.000 bao thuốc lá thành phẩm bán ra là:

$$450 \text{ trđ} * (8.500/10.000) * (60.000/85.000) = 270 \text{ trđ.}$$

➤ Đây cũng chính là số thuế TTĐB được khấu trừ lại khi tiêu thụ 60.000 bao thuốc lá trong kỳ.

➤ Vậy số thuế TTĐB thực phải nộp trong kỳ là:

$$390 \text{ trđ} - 270 \text{ trđ} = 120 \text{ triệu đồng.}$$

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

28



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.1 Đăng ký thuế:

- ✓ Cơ sở sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế, kể cả các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc phải đăng ký thuế với cơ quan thuế nơi SXKD.
- ✓ Đối với cơ sở mới thành lập: chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận kinh doanh.
- ✓ Trong trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, thay đổi ngành nghề... chậm nhất là 05 ngày trước khi có những thay đổi trên.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

29



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.2 kê khai thuế:

❖ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

▪ kê khai theo mẫu:

- ✓ Tờ khai thuế theo **mẫu 01/TTĐB**;
- ✓ Bảng kê HHDV bán ra chịu thuế **mẫu 01-1/TTĐB**;
- ✓ Bảng kê HHDV mua vào chịu thuế **mẫu 01-2/TTĐB**.
 - Thời gian: không quá ngày 20 của tháng sau.
 - Riêng cơ sở sản xuất hàng hóa lớn phải kê khai định kỳ 05 ngày hoặc 10 ngày một lần.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

30



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.2 Kê khai thuế:

❖ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ:

- Kỳ khai thuế TTĐB: khai theo tháng;
- ✓ Đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng lại bán trong nước thì khai theo lần phát sinh.

❖ Đối với cơ sở nhập khẩu hàng hóa:

- ✓ Khai theo từng lần nhập khẩu.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

31



3.4 Kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

❖ Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại hàng hóa và kinh doanh nhiều loại dịch vụ chịu thuế TTĐB có các mức thuế suất khác nhau thì:

- ✓ Kê khai đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ;
- ✓ Nếu không kê khai thì phải nộp thuế theo mức cao nhất.

❖ Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì trong thời hạn 5 ngày kể từ khi bán hàng phải kê khai và nộp đủ thuế TTĐB thay cho cơ sở sản xuất.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

32



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.3 Nộp thuế:

- ✓ Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo thông báo của cơ quan thuế.
- ✓ Nộp thuế bằng VNĐ, nếu nộp bằng ngoại tệ thì đó phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi và được quy đổi sang VNĐ.

3.4.4 Giảm thuế:

- ✓ Người nộp thuế SX hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế trên cơ sở tổn thất thực tế nhưng $\leq 30\%$ số thuế phải nộp và \leq giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

33



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.5 Hoàn thuế:

- ✓ Hàng hóa là nguyên liệu NK để SX hàng XK đã nộp thuế TTĐB, khi tái XK được hoàn lại số thuế đã nộp tương ứng với số nguyên liệu thực tế dùng để SX hàng tái XK đó.
- ✓ Hàng nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB theo khai báo, nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn so với khai báo;
- ✓ Hàng bị hư hỏng, mất có lý do xác đáng đã nộp thuế TTĐB
- ✓ Hàng tạm nhập khẩu để dự hội chợ, triển lãm đã nộp thuế TTĐB, khi tái xuất khẩu được hoàn thuế.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

34



3.4 kê khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế

3.4.5 Hoàn thuế:

- ❖ Cơ sở SXKD quyết toán thuế khi sáp nhập, chia, tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước có số thuế TTĐB nộp thừa có quyền đề nghị cơ quan thuế hoàn lại số thuế TTĐB đã nộp thừa.
- ❖ Cơ sở SXKD được hoàn thuế TTĐB theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

35



□ Ví dụ 3.9: Nhập khẩu 50 tấn thuốc lá sợi.

- + Giá tính thuế nhập khẩu là **2 USD/kg**.
- + Xuất kho **22,5 tấn** để SX ra **99.000 bao** thuốc lá.
- + Xuất bán trong nước **88.000 bao**, giá bán chưa có thuế GTGT là 26.400 đ/1 bao.
- + Biết tỷ giá **20.000 VNĐ/1USD**, thuế suất nhập khẩu thuốc lá sợi là **10%**; thuế suất TTĐB cho cả thuốc lá sợi và thuốc lá bao là **65%**. **Tính:**

a) Thuế nhập khẩu và thuế TTĐB khi nhập khẩu?

b) Thuế TTĐB của hàng tiêu thụ xuất bán trong kỳ?

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

36



□ Ví dụ 3.9: Nhập khẩu **50 tấn** thuốc lá sợi.

c) Số thuế TTĐB được khấu trừ lại và số thuế TTĐB thực phải nộp khi xuất bán 88.000 bao thuốc lá?

➤ **Bài giải:**

Giá tính thuế NK VNĐ: $2 \times 20.000 = 40.000$ đồng

a) Thuế nhập khẩu và thuế TTĐB khi nhập khẩu là:

Trị giá tính thuế NK: $50.000 \text{ kg} \times 40.000 = 2.000$ trđ

Thuế nhập khẩu: $2.000 \text{ trđ} \times 10\% = 200$ trđ

Thuế TTĐB khi nhập khẩu là:

$(2.000 \text{ trđ} + 200 \text{ trđ}) \times 65\% = 1.430$ trđ

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

37



□ Ví dụ 3.9: Nhập khẩu **50 tấn** thuốc lá sợi.

b) Thuế TTĐB của hàng tiêu thụ xuất bán trong kỳ:

Giá tính thuế TTĐB: $26.400 / (1+65\%) = 16.000$ đ.

➤ Thuế TTĐB của hàng tiêu thụ xuất bán trong kỳ:

$88.000 \times 16.000 \times 65\% = 915,2$ triệu đồng

c) Thuế TTĐB được khấu trừ và số thuế TTĐB thực phải nộp: Số thuế TTĐB được khấu trừ:

$1.430 \times (22,5/50) \times (88.000/99.000) = 572$ trđ.

➤ Số thuế TTĐB thực phải nộp trong kỳ là:

$915,2 \text{ trđ} - 572 \text{ trđ} = 343,2$ triệu đồng

27 May 2012

Nguyễn Lê Hồng Vỹ

38